

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH A  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 8 - 2022

V/v: Tranh chấp

ly hôn, nợ chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Á

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Hồng Thơm

2. Ông Nguyễn Văn Phúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Hoàng Tuấn –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Tân – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2022/TL.ST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/QĐST – HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Trần Văn C, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*2. Bị đơn:* Đinh Thị Q (Q), sinh năm 1972

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Lương Hùng K, bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Văn C trình bày: Anh và chị Đinh Thị Q (tên gọi khác Q) chung sống từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của

pháp luật năm 2002. Quá trình chung sống rất hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, mâu thuẫn thường xuyên, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay, anh xác định không còn tình cảm nên làm đơn ly hôn với chị Đinh Thị Q (Đinh Thị Q).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Nhật Kha (nam), sinh năm 1996 và Trần Thị Kim Linh (nữ), sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Nợ vợ chồng ông Lương Hùng K và bà Nguyễn Thị Tuyết N khoảng 40.000.000 đồng tiền nợ hụi. Anh C yêu cầu chia đôi nợ chung. Còn phần nợ Ngân hàng Sacombank, anh nhờ người thân đứng ra vay, nay anh và người thân đã thanh toán xong nợ cho Ngân hàng và đã lấy về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình tố tụng tại Tòa án chị Đinh Thị Q (Đinh Thị Q) vắng mặt nên không có lời trình bày. Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết theo quy định nhưng bị đơn vẫn vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lương Hùng K, bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Năm 2014, anh C và chị Q có tham gia nợ hụi do bà N làm chủ, anh C, chị Q đã hốt hụi nên còn nợ ông bà 36 triệu đồng tiền hụi chết, khoản tiền nêu trên vợ chồng ông K đã trả hụi xong cho anh C, chị Q. Tính đến nay anh C, chị Q đã trả được 8 triệu đồng. Đối với khoản nợ nêu trên vợ chồng ông K chưa yêu cầu giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về hôn nhân anh C và chị Q (Q) kết hôn trên cơ sở tự nguyện nên hôn nhân hợp pháp, quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, cả hai đã ly thân từ năm 2016, anh C yêu cầu ly hôn với chị Q, chị Q vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến về việc ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C. Về con chung, anh C và chị Q có 02 con chung là Trần Nhật Kha (nam), sinh năm 1996 và Trần Thị Kim

Linh (nữ), sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Về tài sản chung: Không có và nợ chung: Chưa yêu cầu giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Trần Văn C và chị Đinh Thị Q (Đinh Thị Q) do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên anh C nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Q, do chị Q vẫn còn đăng ký thường trú tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang nên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt. Bị đơn đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị Q được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống anh C cho rằng vợ chồng bất đồng ý kiến nên thường xuyên cự cãi và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Từ khi ly thân đến nay anh C và chị Q không có biện pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng, khi anh C nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời các bên hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng phía chị Q vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Vì vậy, nhận thấy hôn nhân của anh và chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C.

[3.2] Về con chung: Anh C và chị Q có 02 con chung là Trần Nhật Kha (nam), sinh năm 1996 và Trần Thị Kim Linh (nữ), sinh năm 1998. Các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Ông C khai không có, bà Q vắng mặt nên chưa ghi nhận ý kiến nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.4] Về nợ chung: Nợ vợ chồng ông Lương Hùng K và bà Nguyễn Thị Tuyết N 40.000.000 đồng. Phần nợ này vợ chồng ông K, bà N chưa yêu cầu giải

quyết nên chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Trần Văn C được ly hôn với chị Đinh Thị Q (Đinh Thị Q).

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh Trần Văn C đã nộp theo biên lai số 0011757 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Anh C đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hậu Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Mỹ Á**

